

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 17-12-2021

V/v “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang

2. Bà Lê Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 01/2021/TB-TA ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-MLPT ngày 30 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1999; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1991; địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau ông bà cùng chung sống tại nhà bà L, sau đó chuyển về sống chung với nhà chồng.

Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L phát hiện ông H không lo làm ăn để chăm sóc gia đình mà còn nghiện ma túy. Bản thân bà L và gia đình ông H đã khuyên can ông H nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Nhận thấy giữa bà và ông H mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị TAND huyện Đất Đỏ cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung là Trần Yến Nhi, sinh ngày 06/12/2017. Hiện nay con đang ở cùng bà L. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Văn H:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Lê Thị L xin ly hôn với ông Trần Văn H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông H; Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn, bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147, ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà L thì trong quá trình chung sống, giữa bà và ông H thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do ông H nghiện ma túy, không chăm lo gia đình, bà L nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi và vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà L đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà L; cũng như thông báo để ông H tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà L về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông H không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông H chung sống có 01 con chung là Trần Yến Nhi, sinh ngày 06/12/2017; đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Yến Nhi, sinh ngày 06/12/2017 cho bà Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly

hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2019/0004687 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT. Đất Đỏ, H. Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**